**Tuần 16- Tiết 30 ÔN TẬP HỌC K Ì I**

**NGÀY SOẠN: 14/12/2022**

**I.MỤC TIÊUCẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức**

- Học sinh được ôn tập, hệ thống hoá các kiến thức đã học trong học kì I như:

+ Hệ thức lượng trong tam giác vuông

+ Tỉ số lượng giác của góc nhọn

- Biết vận dụng các kiến thức đã học vào các bài tập tính toán và chứng minh.

**2.Kĩ năng**

- Rèn luyện cách vẽ hình, phân tích tìm lời giải bài toán và trình bày lời giải.

**3.Thái độ**

- Học sinh tự giác, tích cực ôn tập, hệ thống hóa kiến thức đã học

**4. Phát triển năng lực**:

- Phát triển năng lực tự học và hợp tác của học sinh.

**II.CHUẨN BỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. GV:** | Bảng phụ, thước, compa, êke, phấn màu |
| **2. HS:** | Thước, compa, êke |

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định lớp***(1phút)*

**2. Kiểm tra bài cũ** *(2phút):*GV**:** Kiểm tra việc làm đề cương ôn tập của học sinh

**3. Bài mới** *(40 phút)*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **Hoạt động 1: Lí thuyết** *(10 phút)* | |
| - Gọi lần lượt gọi HS dưới lớp trả lời nhanh các câu hỏi trong sgk  - GV đưa bảng tổng hợp các công thức cần nhớ trong chương trên bảng phụ | -HS khác nhận xét, bổ sung  ***1.Các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông***  +) b2 = ab’ ; c2 = ac’  +) ah = bc ;  +) h2 = b’.c’  ***2.Các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của góc nhọn.***      ***3.Tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau***  ()  sinα = cosβ cosα = sinβ  tgα = cotgβ cotgα = tgβ |
| **Hoạt động 2: Bài tập** *( 25 phút)* | |
| - GV giới thiệu bài tập 5 (SBT/90)    ? Tính AB, AC, BC, CH  - GV nhận xét, sửa chữa (nếu cần)  - GV chốt lại cách áp dụng các hệ thức trong tam giác vuông để tính độ dài cạnh    ? Tính AH, AC, BC, CH ?  - GV nhận xét, sửa chữa (nếu cần)  - GV giới thiệu bài tập thứ hai  - Hướng dẫn HS vẽ hình, ghi GT, KL  P  E  F  - GV: Gọi HS nêu cách làm tìm BC, AH và tính góc C  - Cho lần lượt hai HS lên bảng trình bày  -HS, GV nhận xét  ? Tứ giác AEPF có đặc điểm gì  - GV: Gợi ý  + Các góc nào bằng nhau  + Có cạnh nào bằng nhau không  ? Vậy tứ giác đó là hình gì | ***1.Bài tập 1*** *(Bài tập 5/SBT/90):*  -HS đọc đề, lên bảng vẽ hình, ghi GT, KL câu a, tìm cách giải  -HS nêu cách làm và lên bảng trình bày  Câu a:  Giải :  Xét  ( = 900)  Ta có: (định lí Py-ta-go)      AB =  ≈ 29,68  Áp dụng hệ thức liên hệ giữa cạnh và đường cao trong  vuông tại A ta có :  BC = 35,24  Lại có : CH = BC - BH = 35,24 - 25  CH = 10,24  Mà AC2 = BC . CH = 35,24 . 10,24  = 360,8576  AC ≈  ≈ 18,99  Câu b:  -HS đọc đề, lên bảng vẽ hình, ghi GT, KL câu b, tìm cách giải  - HS nêu cách làm và lên bảng trình bày  Xét Δ AHB ( = 900)  Ta có: (Đ/lí Pytago)      ≈ 10,39  Theo hệ thức liên hệ giữa cạnh và đường cao trong tam giác vuông ta có :  AB2 = BC.BH BC =  24  và  - Lại có  AC2 = 18.24 = 432  AC =  ≈ 20,78  ***2.Bài tập 2:*** Cho  vuông ở A có  AB = 6cm, AC = 8cm.  Từ A kẻ đường cao AH xuống cạnh BC  a) Tính BC, AH  b) Tính  c) Kẻ đường phân giác AP của  (P  BC ). Từ P kẻ PE và PF lần lượt vuông góc với AB và AC. Hỏi tứ giác AEPF là hình gì ?  *Giải:*  a) Xét  vuông tại A  Ta có:  ( đ/l Pytago)    BC = 10cm  +) Vì AH BC (gt)    b) Ta có:    ≈ 370  c) Xét tứ giác AEPF có:  = = (1)  Mà vuông cân tại E  AE = EP (2)  Từ (1); (2)  Tứ giác AEPF là hình vuông |
| **Hoạt động 3: Củng cố***(5phút)* | |
| ? Hệ thống các kiến thức lí thuyết đã học trong chương I  ? Nhắc lại cách làm các dạng bài tập thường gặp trong chương | -HS: Hệ thống và nhắc lại các kiến thức đã học |

**4. Hướng dẫn về nhà** *(2 phút)*

* Nắm chắc các hệ thức lượng trong Δ vuông, cách áp dụng các hệ thức ấy vào giải bài tập
* Xem lại các bài tập đã chữa ở lớp.
* Làm tiếp các bài tập tương tự trong SBT
* Giờ sau tiếp tục ôn tập học kì I